TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 121/2018/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 14 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu vực N, phường M, quận X, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông E, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Quận S, Thành phố Cần Thơ, (theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị A và anh B thống nhất giao các cháu O, sinh ngày 20/10/2005; cháu U, sinh ngày 21/11/2008; cháu I, sinh ngày 08/01/2011; cháu R, sinh ngày 08/01/2011 cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục (các cháu hiện nay đang sống chung với chị A). Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

2.5 Về nợ riêng: Chị A, anh B và Ngân hàng C thống nhất số tiền 20.000.000 đồng nợ Ngân hàng C là nợ riêng của chị A. Ngân hàng C không yêu cầu chị A trả nợ trong vụ án này, nếu có yêu cầu sẽ giải quyết trong vụ án khác.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị A đối với yêu cầu chia đôi số tiền nợ 20.000.000 đồng của Ngân hàng C.

4. Án phí Dân sự về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng. Chị A và anh B mỗi người phải chịu 75.000 đồng nhưng chị A tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị A đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0009485 ngày 01 tháng 8 năm 2018, chuyển thu án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L, huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Trang Thảo